|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**Chương VI: HÌNH HỌC PHẲNG**

**§ 1: ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng, điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt

- Nhận biết được một số hình ảnh trong thực tiễn gợi nên điểm, đường thẳng, điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt, ba điểm thẳng hàng.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được một số hình ảnh trong thực tiễn gợi nên hình ảnh điểm, đường thẳng.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt; ba điểm thẳng hàng; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán : HS sử dụng thước thẳng vẽ đường thẳng, đường thẳng đi qua hai điểm, ba điểm thẳng hàng.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Tìm những ví dụ cho ta hình ảnh của điểm, đường thẳng

**a) Mục tiêu :**

Qua đó gợi lại những hình ảnh về điểm và đường thẳng mà HS đã nhận biết ở tiểu học

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

-Tìm những ví dụ gợi lên được hình ảnh của điểm và đường thẳng

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở (ví dụ về điểm, đường thẳng)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4:- Tìm ví dụ cho ta hình ảnh của điểm, đường thẳng**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**-Tìm ví dụ gợi lên hình ảnh của điểm, đường thẳng- Thảo luận nhóm đưa ra các kết quả.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả ví dụ về hình ảnh của điểm và đường thẳng - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. - GV đặt vấn đề vào bài mới: Ở tiểu học chúng ta đã làm quen với điểm và đường thẳng. Qua bài học này, chúng ta sẽ hiểu thêm về quan hệ giữa điểm và đường thẳng. |

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm | Ví dụ về hình ảnh của điểm |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| … |  |
| Nhóm | Ví dụ về hình ảnh của đường thẳng |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| … |  |

 |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 40 phút)

**Hoạt động 2.1: Điểm** (khoảng 20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được khái niệm điểm, biết vẽ điểm, cách đặt tên cho điểm.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc SGK phần 1), vẽ được điểm, biết cách đặt tên cho điểm.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, Luyện tập 1(SGK trang 75)

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

-Hình vẽ, khái niệm điểm, cách đặt tên điểm

-Quy ước

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- GV yêu cầu HS quan sát hình 1, xác định các dấu chấm nhỏ trên bản đồ cùng các địa danh tương ứng.- Yêu cầu HS đọc: khái niệm điểm, cách đặt tên cho điểm ở SGK trang 75**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS lắng nghe và quan sát hình 1, thực hiện theo yêu cầu của SGK- HS nêu khái niệm điểm và cách đặt tên cho điểm **\* Báo cáo, thảo luận 1:**- Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán (viết trên bảng).- HS cả lớp quan sát, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV giới thiệu khái niệm điểm, cách đặt tên điểm như ở SGK trang 75- GV liên hệ hình ảnh điểm trong hình 2a và hình 2b- GV nêu quy ước trong SGK trang 75. | **1. Điểm:****a) Khái niệm:** - Dấu chấm nhỏ là hình ảnh của điểm. Ta sử dụng các chữ cái in hoa A, B, C,... để đặt tên cho điểm- Hình 2a ta có hai điểm phân biệt, hình 2b ta có hai điểm trùng nhau**b) Quy ước :** Khi nói hai điểm mà không giải thích gì thêm, ta hiểu đó là hai điểm phân biệt |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 76.- Hoạt động cá nhân làm bài Luyện tập 1.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** -Có thể sử dụng chữ cái in hoa bất kì để đặt tên điểm, nhưng không trùng tên với các điểm đã cho trước (có thể sẽ có nhiều tên khác nhau nhưng vẫn đúng)- Khi cho 3 điểm ta hiểu là 3 điểm phân biệt **\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Kết quả ví dụ 1.- Hình vẽ luyện tập 1- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng bài**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- GV nêu chú ý trong SGK trang 75. | **c) Áp dụng****Ví dụ 1 (SGK trang 75)** **Luyện tập 1 (SGK trang 75)****Chú ý:** Mỗi hình là tập hợp các điểm. Hình có thể chỉ gồm một điểm |

**Hoạt động 2.2: Đường thẳng** (khoảng 18 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được khái niệm đường thẳng, cách đặt tên cho đường thẳng, tính chất không bị giới hạn về hai phía của đường thẳng

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu thực hiện HĐ2, đọc và ghi nhớ cách biểu diễn, cách đặt tên cho đường thẳng; thực hiện VD2; luyện tập 2

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Hình vẽ, khái niệm đường thẳng, cách kí hiệu đường thẳng, tính chất không bị giới hạn về hai phía của đường thẳng.

- Hình vẽ, luyện tập 2 SGK trang 76

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ2 trong SGK trang 76- Dự đoán xem các đường thẳng có bị giới hạn hay không**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu các bạn cùng bàn kiểm tra kết quả thực hiện HĐ2 của nhau, một bạn lên bảng vẽ hình.- GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu khái niệm đường thẳng, tính chất không bị giới hạn về hai phía của đường thẳng- GV yêu cầu HS nêu cách vẽ và cách kí hiệu đường thẳng.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, chuẩn hóa khái niệm đường thẳng, tính chất không bị giới hạn về hai phía của đường thẳng, cách vẽ và cách kí hiệu đường thẳng. | **2. Đường thẳng****a) Khái niệm:**- Sợi chỉ hoặc sợi dây căng thẳng cho ta hình ảnh của đường thẳng. Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía- Ta dùng vạch thẳng để biểu diễn một đường thẳng và sử dụng những chữ cái in thường a, b, c, ...để đặt tên cho đường thẳng |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm ví dụ 2 và luyện tập 2 trang 76 SGK**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Hình vẽ ví dụ 2, luyện tập 2.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét **\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **b) Áp dụng****VD2:****Luyện tập 2** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**- Hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu của phần bài tập 1 trang 79.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 3:**- Đọc tên các điểm, các đường thẳng trong hình 19 SGK trang 79 - HS cả lớp theo dõi, nhận xét **\* Kết luận, nhận định 3:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 1 (SGK trang 79 ):**- Các điểm ở hình 19: điểm A, điểm B, điểm P, điểm Q.- Các đường thẳng ở hình 19: đường thẳng a, đường thẳng b, đường thẳng c  |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: khái niệm điểm, đường thẳng, cách vẽ hình, cách đặt tên, tính chất không bị giới hạn về hai phía của đường thẳng.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Điểm thuộc đường thẳng. Điểm không thuộc đường thẳng** (khoảng 25 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh học được điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng, vẽ được hình và sử dụng các kí hiệu tương ứng.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu thực hiện HĐ 3 SGK trang 76, đọc và ghi nhớ hình ảnh và kí hiệu điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng

- Làm các bài tập: Ví dụ 3, Luyện tập 3 SGK trang 77

- Thực hiện HĐ 4, từ đó dự đoán và trải nghiệm nội dung : có vô số điểm thuộc một đường thẳng

- Làm bài tập 2 phần vận dụng SGK trang 79

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Hình vẽ điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng, các cách gọi tên

- Lời giải luyện tập 3, hoạt động 4 SGK trang 79, nhận xét, bài tập 2 phần vận dụng SGK trang 79

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 76- GV giới thiệu hình ảnh về đường thẳng và điểm A thuộc đường thẳng đó, kí hiệu thuộc- Dự đoán và vẽ một điểm B không thuộc đường thẳng đó - Yêu cầu HS đọc và ghi nhớ phần kiến thức trọng tâm- GV lưu ý các cách gọi khác nhau cho HS**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân, cặp đôi.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu HS lên bảng vẽ hình. - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và lên bảng vẽ điểm không thuộc đường thẳng.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3, giới thiệu hình ảnh điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng và các kí hiệu.- GV lưu ý các cách gọi khác nhau cho HS | **3. Điểm thuộc đường thẳng. Điểm không thuộc đường thẳng:****a) Ví dụ:**- Điểm A thuộc đường thẳng d và được kí hiệu là: A ∈ d- Điểm B không thuộc đường thẳng d và được kí hiệu là B  d**b) Lưu ý:** - Điểm A thuộc đường thẳng d còn được gọi là điểm A nằm trên đường thẳng d hay đường thẳng d đi qua điểm A.- Điểm B không thuộc đường thẳng d còn được gọi là điểm B không nằm trên đường thẳng d hay đường thẳng d không đi qua điểm B. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 3 SGK trang 77.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 3 SGK trang 77.- Hoạt động theo cặp làm HĐ4, dự đoán có thể vẽ được nhiều hơn hai điểm thuộc đường thẳng d không.- Hoạt động cá nhân làm bài tập 2 phần vận dụng SGK trang 79**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 3.- Hình vẽ luyện tập 3- Hình vẽ hoạt động 4, dự đoán.- Lời giải bài tập 2 phần vận dụng SGK trang 79- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua HĐ4 và dự đoán của HS GV rút ra nhận xét. | **c) Áp dụng:****Ví dụ 3:** SGK trang 77-Điểm A và điểm C thuộc đường thẳng a Kí hiệu : A ∈ a, C ∈ a- Điểm B và điểm D không thuộc đường thẳng aKí hiệu : B  a, D  a**Luyện tập 3:** SGK trang 77**HĐ 4**:a) b) Có thể vẽ được nhiều hơn hai điểm thuộc đường thẳng d**Nhận xét:** Có vô số điểm thuộc một đường thẳng**Vận dụng****Bài tập 2:** SGK trang 79a) Điểm M thuộc đường thẳng aĐiểm N không thuộc đường thẳng ab) N  a, M ∈ a |

**Hoạt động 2.4: Đường thẳng đi qua hai điểm** (khoảng 17 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách vẽ đường thẳng đi qua hai điểm.

- HS nhận ra được đường thẳng đi qua hai điểm để vận dụng làm bài tập

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ5 SGK trang 77, vẽ hình từ đó đưa ra dự đoán có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B

- Vận dụng làm ví dụ 4, luyện tập 4 SGK trang 77.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Hình vẽ, cách gọi tên đường thẳng đi qua hai điểm, số đường thẳng đi qua hai điểm có thể vẽ được

- Lời giải ví dụ 4, luyện tập 4 SGK trang 77.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**- Hoạt động cá nhân làm HĐ5 trong SGK trang 77, dự đoán có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm cho trước- Hoạt động theo cặp làm bài ví dụ 4, luyện tập 4 SGK trang 77.**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận :**- GV yêu cầu HS lên bảng thực hiện HĐ5 và đưa ra dự đoán - GV yêu cầu vài học sinh nhắc lại kiến thức trọng tâm và lưu ý- GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài ví dụ 4, luyện tập 4.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định :** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ5, chuẩn hóa kiến thức trọng tâm và lưu ý cho học sinh các cách gọi tên đường thẳng đi qua hai điểm - Chuẩn hóa kết quả ví dụ 4, luyện tập 4. | **4. Đường thẳng đi qua hai điểm:****a) Ví dụ:**Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A và B**b) Lưu ý:** Đường thẳng đi qua hai điểm A, B còn được gọi là đường thẳng AB, hay đường thẳng BA**c) Áp dụng:****Ví dụ 4:** SGKtrang 77Trong hình 13 ta có một đường thẳng là đường thẳng PQ (cũng có thể gọi là đường thẳng a hay đường thẳng QP)**Luyện tập 4:** SGKtrang 77Trong hình 14 ta có 3 đường thẳng: đường thẳng NM, đường thẳng MP, đường thẳng NP.  |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Ghi nhớ: Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A và B, các cách gọi tên đường thẳng đi qua hai điểm cho trước

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, các nhóm chuẩn bị trước hình ảnh, ví dụ cho bài tập 7 SGK trang 79, tiết sau học tiếp.

**Tiết 3:**

**Hoạt động 2.5: Ba điểm thẳng hàng** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách vẽ ba điểm thẳng hàng

- HS nhận ra được ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ6 SGK trang 78, vẽ hình, từ đó dự đoán và phát biểu định nghĩa ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.

- GV giới thiệu điểm nằm cùng phía, điểm nằm khác phía, HS dự đoán và rút ra kết luận trong ba điểm thẳng hàng có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

- Vận dụng làm ví dụ 5 SGK trang 78.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Hình vẽ, định nghĩa ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, trong ba điểm thẳng hàng có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

- Lời giải ví dụ 5 SGK trang 78.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**- Hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trải bàn làm HĐ6 trong SGK trang 78, vẽ hình, phát biểu định nghĩa ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. HS dự đoán và rút ra kết luận - Hoạt động cá nhân làm bài ví dụ 5 SGK trang 78.**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận :**- GV yêu cầu 1 HS đại diện nhóm lên bảng vẽ hình và trình bày- GV yêu cầu vài học sinh nhắc lại khái niệm- GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài ví dụ 5- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định :** - GV giới thiệu định nghĩa ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.- GV chính xác hóa kết quả của HĐ6, chuẩn hóa kiến thức trọng tâm và khi ba điểm thẳng hàng thì giới thiệu cho học sinh các trường hợp điểm nằm cùng phía, khác phía và nằm giữa đối với hai điểm còn lại .- Chuẩn hóa kết quả ví dụ 5. | **5. Ba điểm thẳng hàng:****a) Định nghĩa:**- Khi ba điểm cùng thuộc một đường thẳng, ta nói chúng thẳng hàng (Hình a)+ Hai điểm A và B nằm cùng phía đối với điểm C+ Hai điểm B và C nằm cùng phía đối với điểm A+ Hai điểm A và C nằm khác phía đối với điểm B+ Điểm B nằm giữa hai điểm A và C- **Lưu ý:** Trong ba điểm thẳng hàng, có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.- Khi ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng, ta nói chúng không thẳng hàng (Hình b)**b) Vận dụng:** **Ví dụ 5:** SGK trang 78- Ba điểm M, N, P không thẳng hàng ( Hình a)- Ba điểm D, E, G thẳng hàng, điểm E nằm giữa hai điểm D và G ( Hình b) |

 **3. Hoạt động luyện tập** (khoảng 28 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được nhận biết điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng và một điểm nằm giữa hai điểm khác, rèn được cho HS kĩ năng vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 3 đến 7 SGK trang 79 và một số bài tập củng cố kiến thức.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 3 đến 7 SGK trang 79 và một số bài tập củng cố kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
|  Nêu:- Cách đặt tên điểm, đường thẳng.- Cách kí hiệu điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng.- Định nghĩa ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.**\* GV giao nhiệm vụ học tập 1 :**- Đọc đề bài- Hoạt động cá nhân vẽ hình vào tập**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV gọi 1 HS đọc đề bài- GV gọi 1 học sinh xung phong lên bảng vẽ hình**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **6. Luyện tập**-Ta sử dụng các chữ cái in hoa A, B, C,... để đặt tên cho điểm-Ta sử dụng những chữ cái in thường a, b, c, ...để đặt tên cho đường thẳng- Điểm A thuộc đường thẳng d và được kí hiệu là: A ∈ d- Điểm B không thuộc đường thẳng d và được kí hiệu là B  d- Khi ba điểm cùng thuộc một đường thẳng, ta nói chúng thẳng hàng - Khi ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng, ta nói chúng không thẳng hàng**Dạng 1: Vẽ hình theo câu diễn đạt****Bài tập:** a) Vẽ hai điểm A, B và đường thẳng d đi qua hai điểm nàyb) Vẽ điểm C sao cho C thuộc đường thẳng d và điểm C nằm giữa hai điểm A và B.**HD:**  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2 :**- Đọc đề bài vẽ hình vào tập- Hoạt động theo cặp làm bài vào tập **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS thực hiện các yêu cầu trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- GV gọi 1 HS đọc đề bài- GV gọi 3 học sinh xung phong lên bảng làm các câu a, b, c**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 2: Cho hình vẽ. Xác định quan hệ giữa điểm và đường thẳng:****Bài tập:**Cho hình vẽ như trên.a) Điểm A thuộc đường thẳng nào, không thuộc đường thẳng nào ? (viết bằng kí hiệu )b) Đường thẳng nào đi qua điểm B ?c) Đường thẳng nào không đi qua điểm C ? **HD:** a) A ∈ m, A ∈ nA  pb) Đường thẳng n và đường thẳng p đi qua điểm Bc) Đường thẳng n không đi qua điểm C |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3 :**- Hoạt động theo cặp làm bài tập 3,4 theo kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi- Hoạt động cá nhân làm bài tập 5- Hoạt động theo cặp làm bài tập 6 theo kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- HS thực hiện lần lượt các yêu cầu trên **\* Báo cáo, thảo luận 3 :**- GV yêu cầu 1 HS đứng tại chổ trả lời câu hỏi bài tập 3- GV yêu cầu 1 HS lên bảng vẽ hình cho bài tập 4- GV yêu cầu 1 HS đứng tại chổ trả lời bài tập 5- GV yêu cầu 1 HS đứng tại chổ trả lời bài tập 6**\* Kết luận, nhận định 3:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3 : Cho hình vẽ. Xác định quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng****Bài tập 3:** SGK trang 79- Ba điểm C, E, D thẳng hàng, điểm E nằm giữa hai điểm C và D- Ba điểm E, A, B thẳng hàng, điểm A nằm giữa hai điểm E và B**Bài tập 4:** SGK trang 79a) Điểm C nằm giữa hai điểm I và Kb) Điểm K nằm giữa hai điểm I và D**Bài tập 5:** SGK trang 79a) Hai điểm M, P nằm khác phía đối với điểm N.b) Hai điểm N, P nằm cùng phía đối với điểm M.c) Hai điểm M, N nằm cùng phía đối với điểm P.**Bài tập 6:** SGK trang 79a) Ba điểm X, Y, T thẳng hàng là đúngb) Ba điểm U, V,T không thẳng hàng là sai c) Ba điểm X, Y, U thẳng hàng là sai  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**- Hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trải bàn làm bài tập 7-Hoạt động cá nhân làm bài tập cho thêm**\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**- HS thực hiện các yêu cầu trên **\* Báo cáo, thảo luận 4:**- HS xung phong trả lời bài tập 7 ( đã chuẩn bị trước ở nhà)- Nhóm nào có kết quả trước xung phong làm bài tập cho thêm.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 4:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.- GV nêu thêm một số ví dụ thường gặp trong thực tế bằng hình ảnh. | **Dạng 4 : Toán thực tế****Bài tập 7:** SGK trang 79Một số hình ảnh gợi nên hình ảnh ba điểm thẳng hàng trong thực tế :Dải phân cách trên đường bộ :C:\Users\Administrator\Desktop\ĐIỂM ĐT\tải xuống (5).jpgHình ảnh trang trí trên dải phân cáchC:\Users\Administrator\Desktop\ĐIỂM ĐT\tải xuống (1).jpgHình ảnh hoa trang trí công viênC:\Users\Administrator\Desktop\ĐIỂM ĐT\tải xuống (3).jpgHình ảnh đèn tín hiệu giao thôngC:\Users\Administrator\Desktop\ĐIỂM ĐT\images (11).jpg**Bài tập :** Bác Long có 10 cây cảnh quý, bác muốn trồng thành 5 hàng, mỗi hàng 4 cây. Em có thể giúp bác vẽ sơ đồ để trồng 10 cây đó được không ?**HD :**Ta có thể xem mỗi cây như 1 điểm và mỗi hàng như một đường thẳng : |

**Bài tập về nhà:**

1)



Cho hình vẽ như trên. Hãy cho biết :

a) Điểm nào thuộc đường thẳng a, điểm nào không thuộc đường thẳng a.

b) Điểm nào thuộc đường thẳng b, điểm nào không thuộc đường thẳng b.

2)



Cho hình vẽ như trên.

a) Điểm B thuộc những đường thẳng nào ? Điểm C thuộc những đường thẳng nào ? ( Ghi bằng kí hiệu )

b) Điểm nào thuộc đường thẳng m, điểm nào thuộc đường thẳng n ? ( Ghi bằng kí hiệu )

**4. Hoạt động vận dụng** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học Điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt; ba điểm thẳng hàng để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hàng ngày.

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

- Làm bài tập, so sánh khái niệm Điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt; ba điểm thẳng hàng với điểm, đường thẳng đã được học ở tiểu học.

- Chuẩn bị giờ sau: Đọc trước nội dung bài 2 – Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song, SGK trang 80.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ như mục Nội dung** (khoảng 2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.